TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 174/2025/DS-PT
Ngày 04 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp đòi lại đất, tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn T - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 564/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp đòi lại đất, tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 416/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Danh S, sinh năm 1948 (có mặt).

Địa chỉ: số B ấp N, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là Số B ấp N, xã L, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Diệp Thanh H, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp D, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ấp D, xã L, thành phố Cần Thơ)

(Theo văn bản ủy quyền ngày 15/11/2022).

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: số B ấp N, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là số B ấp N, xã L, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: Ông Dương Minh T1, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp N, xã L, thành phố Cần Thơ)

(Theo văn bản ủy quyền ngày 6/6/2023).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Ông Dương X, sinh năm 1947 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp N, xã L, thành phố Cần Thơ)

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Dương X: Ông Dương Minh T1, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp N, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp N, xã L, thành phố Cần Thơ)

(Theo văn bản ủy quyền ngày 19/10/2023).

2/. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Văn V - Phó Chủ tịch (xin vắng mặt)

3/. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố C (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Danh S – nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Vào năm 1975, cha Danh S là ông Danh C có cho ông Danh S và bà Dương Thị C1 là vợ ông S phần đất diện tích là 5.000m^2, tại thửa đất số 569, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp N, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Đến năm 1989, đất đưa vào Tập đoàn nên Nhà nước cấp cho ông S và bà C1 theo bình quân khẩu mỗi khẩu là 2.500m^2 và được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C1 vào năm 1990. Năm 2021, bà C1 chết, toàn bộ diện tích là 5.000m^2 thì hiện nay bà Đ quản lý và sử dụng cho đến nay. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu giải quyết chia thừa kế theo pháp luật, diện tích đất là: 5.000m^2, tại thửa số 569, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện L. Trong đó, ông Danh S xin nhận một phần đất là 5.000m^2, trị giá mỗi 1000m^2 = 60.000.000 đồng x 5000m^2 = 300.000.000 đồng, ông Danh S xin nhận bằng quyền sử dụng đất.

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DC 961748, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 12/7/2021 cho ông Dương X, chỉnh lý qua Dương Thị Đ diện tích là 5.000m^2, tại thửa số 569, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện L.

- Buộc bà Dương Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả cho ông Danh S 5.000m^2 tại thửa số 569, tờ bản đồ số 05.

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 191613, do Ủy ban nhân dân huyện L, cấp ngày 06/5/2002 cho bà Dương Thị C1 diện tích là 5.000m^2, tại thửa số 569, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện L. Đồng thời buộc bà Dương Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả cho ông Danh S 5.000m^2 tại thửa số 569, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp N, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bổ sung yêu cầu Tòa án không công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Dương Thị C1 và ông Dương X đối với thửa đất 569 nêu trên.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương X trình bày như sau:

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông X đều không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì phần đất này đã được cấp cho bà C1, bà Huỳnh Thị A (mẹ của bà C1) canh tác từ năm 1970 theo chính *sách "người cày có ruộng"* và sử dụng đến năm 1981 thì đất này được đưa vào tập đoàn sản xuất, đến năm 1990 thì có chủ trương trả lại đất gốc cho bà C1 và bà A, đến năm

năm 1994 bà A chết. Sau khi nhận lại đất này, thì bà C1 tiếp tục sử dụng đến năm 2002 thì đi đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 06/5/2002 cho bà C1, sau đó bà C1 vẫn tiếp tục sử dụng đất này đến năm 2014 thì bà C1 cho bà Dương Thị Đ thuê canh tác (giá thuê 01 năm/ 7,5 triệu đồng) đến năm 2021 thì bà C1 cho lại ông Dương X là anh ruột, việc cho tặng có lập hợp đồng tặng cho theo quy định. Đến ngày 12/7/2021, thì ông X được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 569 nêu trên. Sau khi nhận quyền sử dụng đất nêu trên, thì ông X cũng tiếp tục giao cho bà Đ canh tác (bà Đ là con ông X), đến ngày 16/02/2022 thì ông X tặng cho và chuyển quyền sử dụng đất này cho bà Đ (đã được chỉnh lý biến động sang tên bà Đ). Hiện nay bà Đ là người trực tiếp sử dụng đất này.

Đến năm 2021 thì bà C1 chết, thì đến năm 2023 ông Danh S mới đến tranh chấp phần đất này, thời gian trước đó thì không thấy ông S đến nói gì về phần đất này là của ông và cũng không có tranh chấp gì. Về quan hệ giữa bà C1 và ông S thì vào khoảng năm 1970 ông S và bà C1 có sống chung với nhau, đến năm 1976 thì không còn chung sống nữa và hai người cũng không có con chung. Sau đó, thì hai bên không còn qua lại gì với nhau và ông S cũng đã có vợ là bà Trần Thị S1. Bà C1 từ trước đến nay cũng không có lập gia đình và cũng không có con với ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S có Văn bản số 1209/VPĐK ngày 13/12/2024 có nội dung trình bày như sau:

Căn cứ dữ liệu, hồ sơ đang quản lý của đơn vị, thửa đất số 569, tờ bản đồ số 05, diện tích 5.000m^2, tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc do bà Dương C2 khai phá và sử dụng ổn định từ trước năm 1992. Bà Dương C2 được Ủy ban nhân dân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1992, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 741823, số vào sổ B 007532 QSDĐ/1992, thửa đất số 569, tờ bản đồ số 04, diện tích 5.000m^2, loại đất trồng lúa, đất tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Ngày 11/04/2002, bà Dương Thị C1 làm đơn xin điều chỉnh diện tích, vị trí đất, chữ lót và tên trong sổ địa chính. Ngày 06/05/2002, Ủy ban nhân nhân huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất V 191613, số vào sổ 0029 đối với thửa đất số 569, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.525m^2, tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cho bà Dương Thị C1 theo quy định.

Ngày 18/06/2021, bà Dương Thị C1 tặng cho thửa đất trên cho ông Dương Xiêm . Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Dương Thị C1 và ông Dương X đã được Ủy ban nhân dân xã L chứng thực ngày 18/6/2021. Căn

cứ hồ sơ đăng ký biến động của ông Dương X, ngày 12/07/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Giấy chứng nhận) số DC 961748, số vào sổ CS05243 đối với thửa đất số 569, tờ bản đồ số 5, diện tích 4.836,1m^2, toạ lạc tại ấp N, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cho ông Dương X theo quy định.

Ngày 19/01/2022, ông Dương X ký hợp đồng tặng cho thửa đất trên cho bà Dương Thị Đ, được Ủy ban nhân dân xã L chứng thực ngày 19/01/2022. Căn cứ hồ sơ đăng ký biến động của bà Dương Thị Đ, ngày 16/02/2022, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L ký chỉnh lý sang tên bà Dương Thị Đ trên Giấy chứng nhận số DC 961748, số vào sổ CS05243 theo quy định.

Sở T cấp Giấy chứng nhận số DC 961748 cho ông Dương X đối với thửa đất số 569, tờ bản đồ số 5, diện tích 4.836,1m^2 tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng là đúng đối tượng và đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Việc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L ký xác nhận thay đổi sang tên chủ sử dụng đất là bà Dương Thị Đ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DC 961748 nêu trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T2 và Quyết định số 3876/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh S về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực đất đai áp dụng tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; đúng đối tượng và đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ) quyết định:

Áp dụng Điều 14, Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 166 Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Danh S về việc:

- Yêu cầu giải quyết chia thừa kế theo pháp luật, diện tích đất là: 5.000m^2, tại thửa số 569, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện L. Trong đó ông Danh S xin nhận một phần đất là 5.000m^2, trị giá mỗi 1000m^2 = 60.000.000 đồng x 5000m^2 = 300.000.000 đồng, ông Danh S xin nhận bằng quyền sử dụng đất.

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DC 961748, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp ngày 12/7/2021 cho ông Dương X, chỉnh lý qua Dương Thị Đ diện tích là 5000m^2, tại thửa số 569, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện L.

- Buộc bà Dương Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả cho ông D Sang 5000m^2 tại thửa số 569, tờ bản đồ số 05.

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: V 191613, do Ủy ban nhân dân huyện L, cấp ngày 06/5/2002 cho bà Dương Thị C1 diện tích là 5000m^2, tại thửa sổ 569, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện L.

Đồng thời buộc bà Dương Thị Đ có trách nhiệm hoàn trả cho ông D Sang 5000m^2 tại thửa số 569, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp N, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có vị trí như sau:

+ H: Giáp kênh thủy lợi, có số đo 45,99m;

+ Hướng Tây: Giáp thửa 571, có số đo 19,91m + 27,27m;

+ Hướng Nam: Giáp thửa 570, có số đo 5,11m + 100m;

+ Hướng Bắc: Giáp thửa 541, có số đo 5,13m + 35,50m + 21,85m + 40,82m.

(có sơ đồ kèm theo)

- Yêu cầu Tòa án không công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 18/6/2021 giữa bà Dương Thị C1 và ông Dương X đối với thửa đất 569, tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp N, xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/02/2025, nguyên đơn ông Danh S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Danh S (có ông Diệp Thanh H đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bà Dương Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương X (có ông Dương Minh T1 đại diện theo ủy quyền) đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Danh S làm trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Cần Thơ xin vắng mặt; Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố C vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiền hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Về nội dung, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha nguyên đơn là ông Danh C sử dụng; năm 1975 cho lại nguyên đơn và bà Dương Thị C1 sử dụng; năm 1989 đưa vào Tập đoàn, đến năm 1990 Nhà nước có chủ trương trả lại đất cho ông và bà C1; sau đó bà C1 đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn thì cho rằng phần đất này do bà Dương Thị C1 và mẹ bà C1 là Huỳnh Thị A canh tác từ năm 1970 theo chính sách "người cày có ruộng" và sử dụng đến năm 1981 thì đưa vào Tập đoàn sản xuất; đến năm 1990 Nhà nước trả lại cho bà C1 và bà A; năm 1994 bà A chết. Sau khi nhận lại đất, bà C1 tiếp tục sử dụng đến năm 1992 thì đi đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cùng năm; năm 2021 bà C1 cho lại ông Dương X là anh ruột; ông X đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ngày 16/02/2022 ông X tặng cho lại bà Đ; hiện bà Đ đã được chỉnh lý biến động sang tên bà Đ.

Như vậy, cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định phần diện tích đất tranh chấp thuộc thửa số 569, vào năm 1989 đã được đưa vào Tập đoàn sản xuất, đến năm 1990 thì Nhà nước giao trả phần đất nêu trên cho bà C1 và bà C1 là người được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có quá trình sử dụng đất liên tục từ năm 1990 đến nay.

[2.2] Theo Văn bản số 1209/VPĐK ngày 13/12/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S thì căn cứ dữ liệu, hồ sơ đang quản lý, lưu trữ, thửa đất số 569, tờ bản đồ số 05, diện tích 5.000m^2, tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng có nguồn gốc do bà Dương C2 (tức bà Dương Thị C3) khai phá và sử dụng ổn định từ trước năm 1992. Đến năm 1992, thì được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đứng tên bà Dương Cuôl .1 Do có sai sót về tên, nên năm 2002 thì bà C1 có đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 11/4/2002, được UBND xã L xác nhận đủ điều kiện đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đơn xin điều chỉnh lại họ tên từ D thành Dương Thị C1 cho phù hợp. Ngày 06/5/2002, bà C1 được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Dương Thị C1 và sử dụng liên tục, ổn định không tranh chấp. Đến ngày 18/6/2021, bà C1 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất tại thửa 569 nêu trên cho anh ruột là ông Dương X, hợp đồng đã được chứng thực của UBND xã L theo quy định. Ngày 12/7/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Xiêm . Đến ngày 19/01/2022, ông X lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên cho con là Dương Thị Đ, được UBND xã L chứng thực theo quy định. Đến ngày 16/02/2022, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L chỉnh lý biến động sang tên bà Dương Thị Đ và bà Đ sử dụng đất cho đến nay. Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C1, chỉnh lý biến động sang tên ông X, bà Đ là đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

[2.3] Xét thấy, ông Danh S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đất có nguồn gốc của ông Danh C (cha ông S). Mặt khác, phần đất trên đã được đưa vào Tập đoàn sản xuất, thực hiện chủ trương trả lại đất cho chủ cũ theo bình quân hộ, Nhà nước đã hoàn trả lại phần đất trên cho cá nhân bà C1. Ông S không chứng minh được việc Nhà nước giao trả cho cả ông và bà C1.

Xét về mối quan hệ giữa ông Danh S và bà Dương Thị C1, tại Công văn số 66/UBND ngày 27/7/2023 của UBND xã L xác định qua tra cứu thông tin trên phần mềm Hệ thống quản lý hộ tịch của Bộ Tư pháp thì không tìm thấy thông tin của ông Danh S đăng ký kết hôn tại UBND xã L; cũng như tại Công văn số 49/UBND ngày 15/6/2023 của UBND xã L cũng xác định không tìm thấy thông tin đăng ký kết hôn giữa ông Danh S và Dương Thị C1. Ông S cho rằng từ trước năm 1975 đến năm 1980 thì ông sống chung với bà C1, sau đó ông về

sống chung với bà Trần Thị S1 như vợ chồng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Tòa án cấp sơ thẩm xác minh lời khai của bà Trần Thị S1, xác định được bà S1 và ông Danh S sống chung với nhau từ khoảng năm 1980, có 04 người con chung. Căn cứ điểm a Điều 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì mối quan hệ giữa ông S và bà S1 là quan hệ hôn nhân thực tế. Theo pháp luật về hôn nhân và gia đình trong các thời kỳ đều xác định quan hệ hôn nhân "một vợ một chồng". Do đó, quan hệ giữa ông S và bà C1 không phải là quan hệ hôn nhân.

Tại thời điểm bà C1 được Nhà nước giao đất năm 1990, bà C1 không có quan hệ hôn nhân với ông S; tài sản bà C1 có được thuộc quyền sở hữu cá nhân bà C1 và bà C1 đã định đoạt tặng cho ông X là phù hợp với quy định pháp luật; di sản của bà C1 chết để lại không còn. Đồng thời, do có căn cứ xác định ông S không phải là chồng hợp pháp của bà C1 nên ông S không thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của bà C1. Việc ông S khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với di sản mà bà C1 chết để lại là không có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Danh S; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Danh S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, do ông S là người cao tuổi nên được miễn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Danh S.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2025/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (nay là thành phố Cần Thơ).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Danh S được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- Cục THADS TP. Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.16b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thanh Dũng